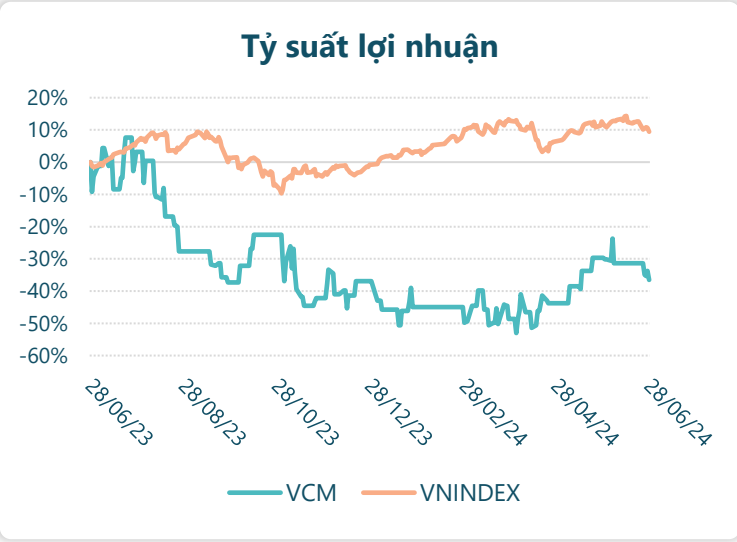


Ngày	15,800 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.7%	23.4%	0.6%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,700 - 26,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
Số lượng CPLH (CP)	3,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	68,675
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.79)
EPS	1,013
P/E	15.6



Doanh thu thuần
Q2/24

17.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.70 | 50.4%

YoY: ▲ 10.0 | 143%

Nợ/VCSH
Q2/24

32.5%

YoY: +/-▲ 7.1%

LN gộp
Q2/24

3.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.12 | 4.0%

YoY: ▲ 2.35 | 350%

ROE (TTM)
Q2/24

4.4%

YoY: +/-▲ 0.9%

LN trước thuế
Q2/24

1.23

tỷ VNĐ

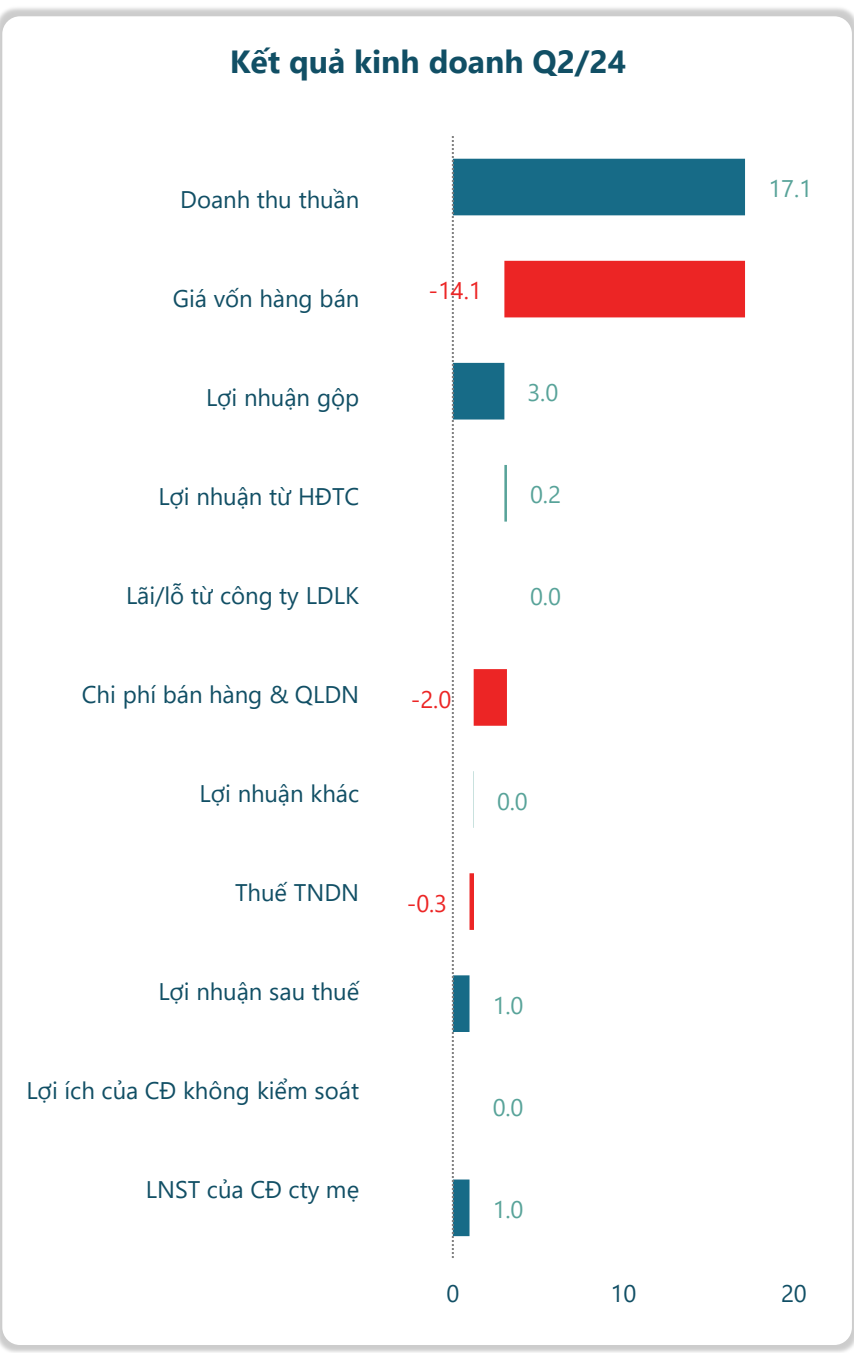
QoQ: ▼0.72 | -36.7%

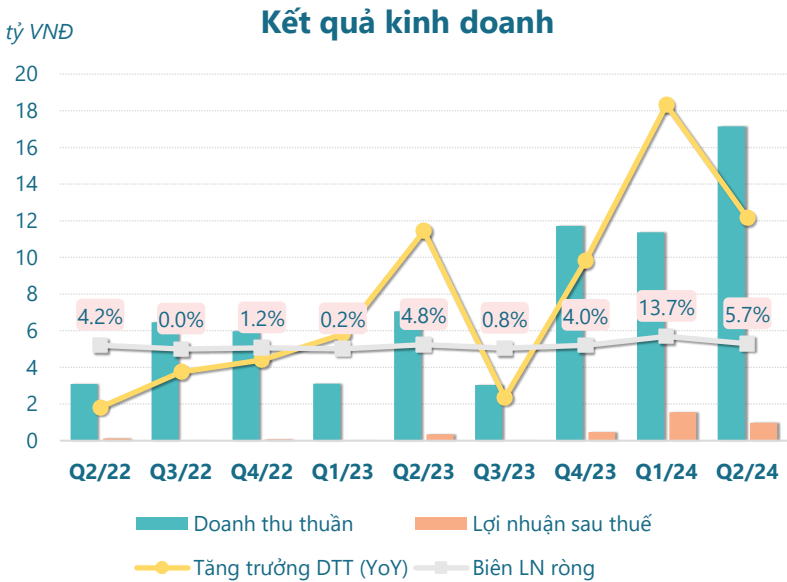
YoY: ▲ 0.76 | 163%

ROA (TTM)
Q2/24

3.3%

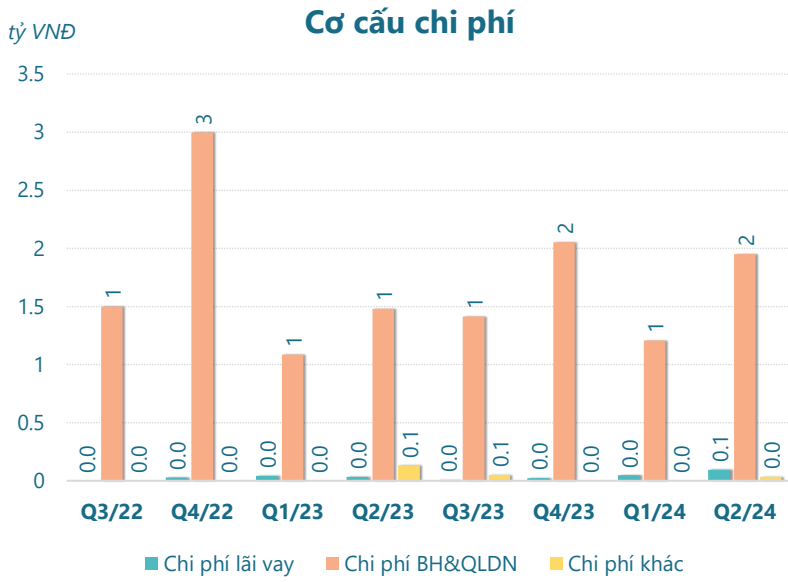
YoY: +/-▲ 0.6%





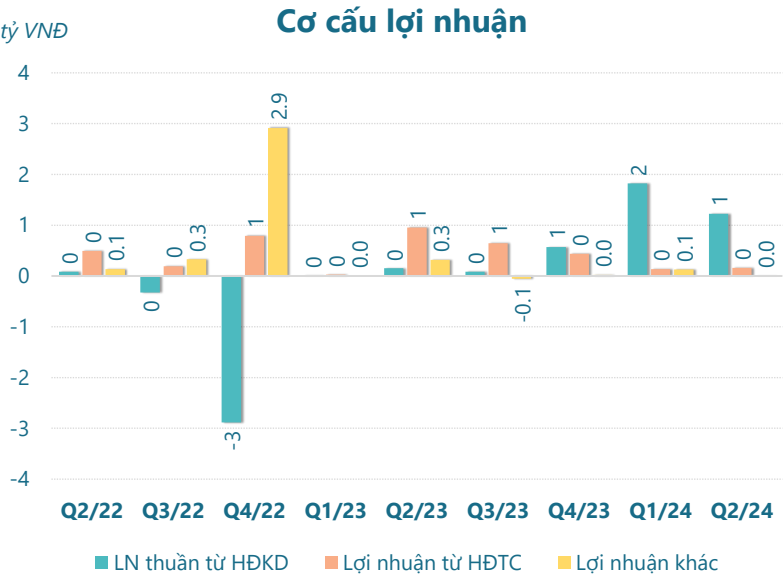
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.23 tỷ đồng**, giảm đi 32.4% so với kỳ trước và cao hơn 720% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.16 tỷ đồng**, tăng thêm 23.1% so với kỳ trước và thấp hơn 83.3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.01 tỷ đồng**, giảm đi 92.3% so với kỳ trước và thấp hơn 96.8% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VCM** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **17.15 tỷ đồng** tăng thêm **143%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.98 tỷ đồng, tăng trưởng 188%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **29.00 tỷ đồng** cao hơn 190% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.00 tỷ đồng** tăng thêm 3.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



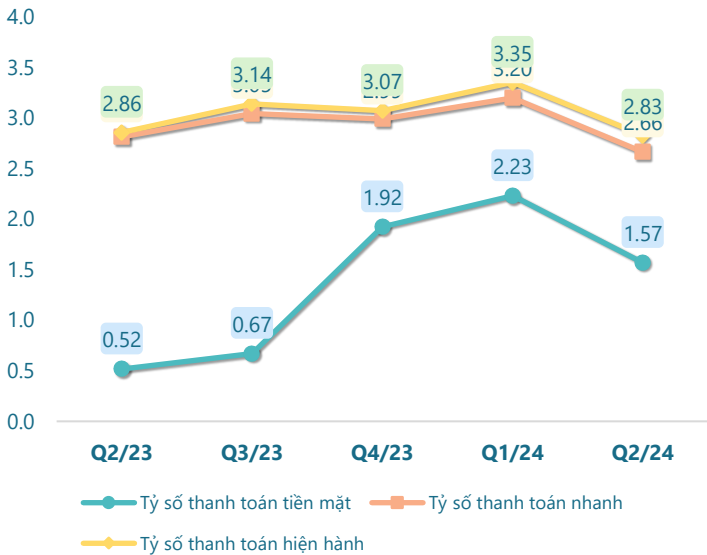
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.09 tỷ đồng** tăng thêm 80.0% so với kỳ trước và cao hơn 200% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.95 tỷ đồng** tăng thêm 61.2% so với kỳ trước và cao hơn 31.8% so với cùng kỳ năm trước.

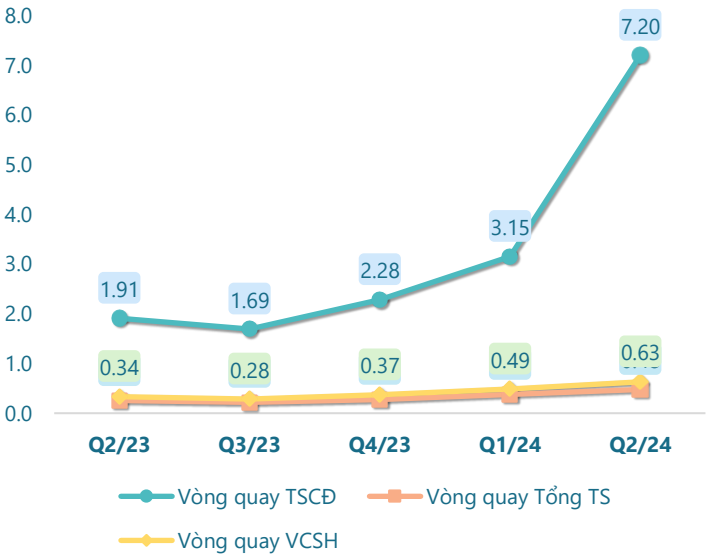
Chi phí khác bằng **0.03 tỷ đồng** tăng thêm 0.03 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 76.9% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	17.1	11.4	50.4%	7.06	143%	28.5	10.2	181%
Giá vốn hàng bán	14.1	8.46	67.0%	6.38	122%	22.6	8.42	168%
Lợi nhuận gộp	3.02	2.90	4.0%	0.67	350%	5.91	1.74	240%
Doanh thu HĐTC	0.26	0.24	6.4%	1.00	-74.5%	0.50	1.07	-53.4%
Chi phí TC	0.09	0.11	-14.3%	0.05	88.5%	0.20	0.09	131%
Chi phí lãi vay	0.09	0.05	88.5%	0.03	214%	0.14	0.08	82.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.40	0.25	59.9%	0.17	135%	0.65	0.36	84.1%
Chi phí QLDN	1.55	0.95	63.3%	1.31	18.4%	2.50	2.21	13.3%
LN thuần từ HĐKD	1.23	1.82	-32.6%	0.15	718%	3.05	0.16	1829%
Lợi nhuận khác	0.01	0.13	-93.8%	0.31	-97.4%	0.14	0.31	-56.7%
LN trước thuế	1.23	1.95	-36.7%	0.47	163%	3.19	0.47	574%
Lợi nhuận sau thuế	0.98	1.56	-37.1%	0.34	188%	2.54	0.35	633%
LNST của CĐ cty mẹ	0.98	1.56	-37.1%	0.34	188%	2.54	0.35	633%

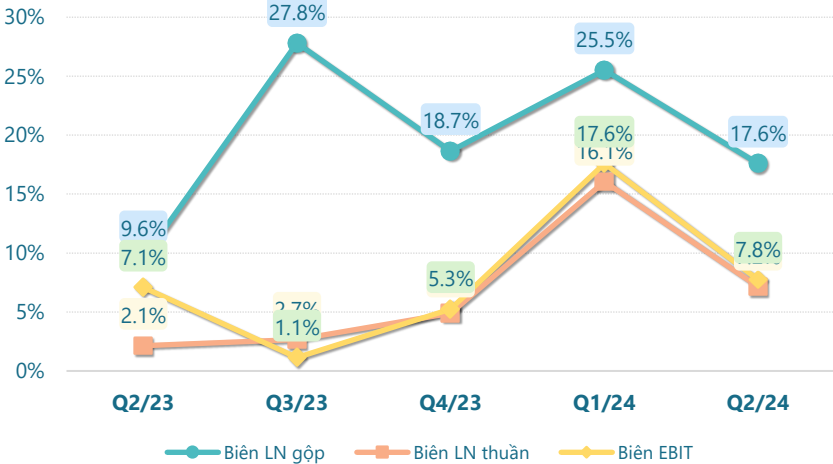
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

